

Bản án số: 46/2024/KDTM-PT

Ngày: 13/3/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 02 và ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/KDTMPT ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 578/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM; địa chỉ trụ sở chính: Số 5 Đường số 12, khu phố 4, phường L, quận L1(Thành phố L2), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thanh V, sinh năm 1984; địa chỉ: B2-11-19 CC PHP, số 89/57 Đường 59, Phường G, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2022).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL; địa chỉ trụ sở chính: Số 68/460T đường P, Phường P1, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Phú T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số Số 68/460T đường P, Phường P1, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL.
(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2019 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/5/2019 Công ty TNHH BM và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL có ký hợp đồng mua bán bê tông số 8498/MRMC (Viết tắt là hợp đồng) để cung cấp bê tông tươi trộn sẵn cho công trình tại 215 đường N, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp khối lượng bê tông là 397m³ với tổng số tiền 605.475.000 đồng, bị đơn đã thanh toán với tổng số tiền là: 540.908.000 đồng (thanh toán đợt cuối vào ngày 15/8/2019 với số tiền 16.845.000 đồng). Tính đến thời điểm hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc là 64.567.000 (Sáu mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở, làm việc nhưng bị đơn không hợp tác.

Nay nguyên đơn, Công ty TNHH BM khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL trả tổng số tiền nợ còn thiếu tạm tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 14/6/2023 là 91.047.077 đồng, trong đó nợ gốc là 64.567.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 26.480.077 đồng theo mức lãi suất cho vay đối với khách hàng là tổ chức với kỳ hạn từ 1-3 năm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Thủ Đức là 10,7%/năm (Theo Công văn số 289/BIDV.TPTĐ-QLNB ngày 06/4/2023).

Trong quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Phía bị đơn thừa nhận công ty có ký kết hợp đồng mua bán bê tông số 8498/MRMC ngày 15/5/2019 với nguyên đơn. Bị đơn xác nhận đã nhận khối lượng bê tông đúng như các biên bản xác nhận khối lượng bê tông, các phiếu giao bê tông ngày 10/8/2019 (số: 0001412, 0001406, 0001404, 0001403, 0001402) và số 0001548 ngày 15/8/2019 do nhân viên của bị đơn là Huỳnh Nguyên TO và Nguyễn Hoàng A ký với tổng số tiền là: 69.795.000 đồng (= 62.600.000 đồng + 7.195.000 đồng). Bị đơn đã thanh toán: 5.228.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện nay phía bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 64.567.000 đồng và lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cho vay đối với khách hàng là tổ chức với kỳ hạn từ 1-3 năm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Thủ Đức là 10,7%/năm (Theo Công văn số: 289/BIDV.TPTĐ-QLNB ngày 06/4/2023) và phù hợp thỏa thuận tại khoản 4.5 Điều 4 của hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn từ khi dịch bệnh cho đến nay, bị đơn chưa có điều kiện thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn đề nghị phía nguyên đơn xem xét miễn phần lãi cho bị đơn chậm trả nói trên và đồng ý cho bị đơn được trả dần số tiền gốc mỗi tháng tùy theo khả năng tài chính của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Quá trình thực hiện Hợp đồng 8498/MRMC, nguyên đơn đã cung cấp khối lượng bê tông là 397m³ với tổng số tiền

605.475.000 đồng và đã xuất hóa đơn GTGT cho bị đơn đúng theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng 8498/MRMC. Bị đơn đã thanh toán với tổng số tiền là: 540.908.000 đồng (thanh toán đợt cuối vào ngày 15/8/2019 với số tiền 16.845.000 đồng). Nguyên đơn xác định tính đến ngày 11/8/2023, bị đơn còn nợ tổng số tiền là 91.629.417 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 64.567.000 đồng (Bao gồm: Hóa đơn 1190 là 1.967.000 đồng; hóa đơn 1206 là 62.600.000 đồng);

- Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 11/8/2023 là 27.062.417 đồng tính theo mức lãi suất: 10,5%/năm:

+ Hóa đơn 1190: $1.967.000 \text{ đồng} \times 1.457 \text{ ngày quá hạn} \times 10,5\%/năm = 824.442 \text{ đồng};$

+ Hóa đơn 1206: $62.600.000 \text{ đồng} \times 1.457 \text{ ngày quá hạn} \times 10,5\%/năm = 26.237.975 \text{ đồng};$

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán nêu trên.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Đỗ Phú T trình bày: Bị đơn có yêu cầu nguyên đơn cung cấp bê tông tươi trộn sẵn cho công trình 215 đường N, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên có ký hợp đồng mua bán bê tông số 8498/MRMC ngày 15/5/2019. Tuy nhiên, quá trình thực hiện phía nguyên đơn đổ thiếu khối lượng bê tông là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn thực hiện kiểm tra, đo lường và đối chiếu lại khối lượng bê tông thiếu hụt. Đại diện nguyên đơn là ông VU đồng ý sẽ xác nhận khối lượng bê tông thiếu hụt vào lần cuối nhưng sau đó tìm cách trì hoãn không thực hiện và tìm cách ký các biên bản với công nhân tại công trình mà không trực tiếp làm việc với ông là không đúng vì ông là người duy nhất có thẩm quyền xác nhận và ký biên bản. Do nguyên đơn vi phạm nên ông không đồng ý với công nợ mà nguyên đơn gửi và có yêu cầu nguyên đơn thực hiện việc kiểm tra lại khối lượng từ sàn 1 đến sàn tầng mái tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/8/2019 nhưng nguyên đơn vẫn không thực hiện. Tổng khối lượng bê tông thiếu hụt mà bị đơn tính toán là khoảng 8-10% tổng khối lượng bê tông. Như vậy, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn so với số tiền bê tông còn thiếu nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông xác nhận không thông báo bằng văn bản mà chỉ thông báo miệng về việc khối lượng bê tông bị thiếu hụt trong các lần đổ cho ông VU là đại diện của nguyên đơn vì khối lượng thiếu không đáng kể. Ông không đồng ý với khối lượng bê tông tại các phiếu giao hàng và biên bản xác nhận khối lượng bê tông mà không có chữ ký của ông vì ông là người duy nhất có quyền ký xác nhận các văn bản quan trọng của công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn H trình bày: Bị đơn và nguyên đơn có ký hợp đồng cung cấp bê tông tươi trộn sẵn. Tuy nhiên, nguyên đơn nhiều lần cung cấp thiếu khối lượng bê tông và bị đơn đã nhiều lần yêu cầu kiểm tra lại khối lượng bê tông thiếu hụt nhưng nguyên đơn chây ì không hợp tác. Do nguyên đơn cung cấp thiếu khối lượng bê tông nên bị đơn phải khắc phục

bằng cách tự mua vật liệu và đổ tay để bù vào khối lượng thiếu hụt. Sau khi ông Tuấn yêu cầu đo đạc lại thì 03 tháng sau nguyên đơn mới thực hiện việc đo lại khối lượng bê tông. Nguyên đơn hẹn đúng 14 giờ 00 phút ngày 07/11/2019 tiến hành đo đạc lại nhưng nguyên đơn lập biên bản đúng 14 giờ 00 phút và ra về mà không có mặt bị đơn. Nguyên đơn đã cung cấp thiếu khối lượng bê tông nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 84/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 440 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50 và khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM tổng số tiền là 91.629.417 (Chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm mười bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 64.567.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 27.062.418 đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL phải chịu 4.581.471 (Bốn triệu năm trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0025262 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 8 năm 2023, bị đơn – Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL làm đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 84/2023/KDTM-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá toàn diện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dẫn đến việc ra bản án không đúng qui định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Căn cứ vào hợp đồng thì ông T là người đại diện theo pháp luật là người đại diện của bị đơn có thẩm quyền xác nhận khối lượng bê tông nên những chứng từ do nguyên đơn cung cấp cho tòa án là không hợp lệ. Bị đơn đã thanh toán vượt quá giá trị khối lượng bê tông thực tế mà nguyên đơn đã cung cấp nên nguyên đơn cố tình không xác nhận khối lượng công nợ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nhận định và quyết định của tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không khách quan toàn diện, không phù hợp chứng cứ sự thật khách quan của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:* Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai pháp nhân và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL có địa chỉ trụ sở làm việc tại Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định về thẩm quyền theo qui định

tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định là hợp lệ, nên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định về thẩm quyền theo qui định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của Bị đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL cho rằng Nguyên đơn không thực hiện đúng hợp đồng nhiều lần đổ thiếu hụt khối lượng bê tông từ 8-10% tổng khối lượng bê tông, nhận thấy:

Tại phiên tòa hai bên đều xác nhận có ký hợp đồng mua bán bê tông số 8498/MRMC ngày 15/5/2019 để phục vụ cho công trình 215 đường, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh với tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá theo mức bê tông được 02 bên thống nhất trong hợp đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cho thấy từ ngày 15/5/2019 đến ngày 15/8/2019 nguyên đơn có đổ bê tông và xuất 19 hoá đơn cho bị đơn với tổng giá trị 605.475.000 đồng. Căn cứ các biên nhận thu tiền, lệnh chuyển có của ngân hàng, tổng số tiền đến ngày 15/8/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 540.908.000 đồng. Như vậy, nguyên đơn đã cấp bê tông và xuất hóa đơn cho bị đơn theo đúng như thỏa thuận được quy định tại Điều 4 hợp đồng.

Bị đơn luôn cho rằng nguyên đơn giao không đủ số lượng hàng nhưng ngoài lời trình bày bị đơn không xuất trình chứng cứ nào để chứng minh.

Căn cứ điểm 3.1.8 khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng các bên đã thỏa thuận: *“Trong trường hợp bê tông hao hụt hơn định mức 3%, bên mua thông báo cho bên bán bằng văn bản trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc mẻ đổ và trước khi kết cấu bị che lấp; sau thời hạn này bên bán không phải chịu trách nhiệm”*.

Như vậy, việc bị đơn không thông báo bằng văn bản để khiếu nại về việc giao hàng thiếu như thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng. Nguyên đơn không thừa nhận giao hàng thiếu và xuất trình biên bản kiểm tra hiện trường công trình ngày 11/9/2019 có sự tham gia của ông Nguyễn Hoàng Anh N là giám sát công trình ghi nhận độ dày sàn theo thiết kế là 250mm, đo thực tế sàn là 270mm và kết luận nguyên đơn cấp đủ khối lượng bê tông sàn lửng. Ngày 07/11/2019 nguyên đơn có văn bản số 04/CV/MRMC/2019 thông báo cho bị đơn vào lúc 14h00 ngày 08/11/2019 nguyên đơn sẽ đo đạc số liệu khối lượng bê tông thực tế cấp tại công trình nhưng bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tiến hành đo đạc được.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không đưa ra được các tài liệu chứng minh khối lượng bê tông bị thiếu hụt và xác định không có yêu cầu phản tố tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như không chịu đóng tiền chi phí giám định để cơ quan chuyên môn thẩm định lại nên việc bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn giao hàng thiếu là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các phiếu giao hàng và biên bản xác nhận khối lượng bê tông không có chữ ký của ông Tuấn là người đại diện theo pháp luật là không đúng, Hội đồng xét xử nhận

thấy: Ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty NL và ông cho rằng ông là người duy nhất có quyền ký xác nhận các văn bản quan trọng của Công ty nên không đồng ý với khối lượng bê tông tại các phiếu giao hàng và biên bản xác nhận khối lượng bê tông mà không có chữ ký của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng ông Huỳnh Nguyên TO và Nguyễn Hoàng A không phải là nhân viên công ty nhận thấy: Tại khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng quy định trách nhiệm của Bị đơn: *"Cung cấp cho bên bán danh sách các cán bộ có thẩm quyền tại công trình khi giao nhận bê tông để theo dõi ký xác nhận chất lượng và khối lượng tại công trình (ký nhận trên phiếu giao bê tông từng chuyến và biên bản nghiệm thu từng đợt đổ). Trường hợp bên mua thay đổi người chịu trách nhiệm đặt hàng và ký xác nhận khối lượng thì bên mua phải thông báo cho bên bán trước 24 giờ bằng văn bản (có ký xác nhận và đóng dấu của công ty). Nếu bên mua không thông báo và khối lượng chưa được xác nhận thì khối lượng đã giao sẽ được thanh toán theo phiếu giao hàng của bên bán"*. Nhận thấy, các phiếu giao hàng và biên bản xác nhận khối lượng bê tông đều có ký xác nhận của nhân viên của Bị đơn tại công trình, Bị đơn cho rằng không biết, không nhận được bất kỳ giấy tờ nào về việc giao hàng nhưng bị đơn vẫn thanh toán các hóa đơn mà phía nguyên đơn đã gửi qua sau những lần cấp hàng, nên lời trình bày của ông Tuấn phủ nhận các phiếu giao hàng và biên bản xác nhận khối lượng bê tông do nhân viên của ông T ký nhận là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 84/2023/KDTM-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273, Điều 293, Điều 304, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 440 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50 và khoản 1 Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM tổng số tiền là 91.629.417 (Chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm mười bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 64.567.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 27.062.418 đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

3/ Về án phí:

3.1 Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.581.471 (Bốn triệu năm trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng .

- Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn BM số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0025262 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được căn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ NL đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012322 ngày 8/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh

Hoàng Thị Bích Thảo

Nguyễn Thu Chinh